

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 464/2020/DS-ST
Ngày 16-9-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 327/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2 Tòa nhà Salling Tower, Số 111A Pastuer, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro (theo Giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017 của TGD Ngân hàng A).

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số 81444.20 ngày 14/9/2020):

1/ Bà Ngô Thị Thảo L – Chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB.

2/ Bà Lê Thị Như Q - Chức vụ: Chuyên viên, phòng XLN KHCN MN, khối quản trị rủi ro.

2/ Ông Hồ Trung H1 - Chức vụ: Trưởng nhóm, phòng XLN KHCN MN, khối quản trị rủi ro.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Tòa nhà S - Số 6 Ung Văn Khiêm, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1/ Ông Hoàng Thái T, sinh năm: 1966.

2/ Bà Lê Thị Thanh G, sinh năm: 1971.

Cùng thường trú: 29/8 khu phố 2, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: 201/28 đường Tô Ký, Ấp D, xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng Thành T1, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

2/ Ông Hoàng Trung T2, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 201/28 đường Tô Ký, Ấp D, xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Thảo L trình bày:

Ngân hàng A – PGD E ký với ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15 ngày 12/05/2015, với nội dung: VIB cho ông Hoàng Thái Tiến, bà Lê Thị Thanh G vay số tiền 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015 với nội dung: VIB cho ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD1-VIB619/16 ngày 29/04/2016 với nội dung: VIB cho ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G vay số tiền 130.000.000 đồng;

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số: 1, tại

địa chỉ: xã Đ, huyện Hóc Môn, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 643506, số vào sổ cấp GCN: CH 00261, do UBND huyện Hóc Môn, TPHCM cấp ngày 04/06/2014, cập nhật thay đổi ngày 23/3/2015 cho ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G theo hợp đồng thế chấp số 0073/HĐTC-VIB619/15 ngày 12/05/2015.

Ngân hàng A – PGD E đã giải ngân cho ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G theo khế ước nhận nợ số 0073/KUNN1-VIB619/15 ngày 15/05/2015 với số tiền 400.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 0098/KUNN1-VIB619/15 ngày 10/06/2015 với số tiền 100.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 0115/KUNN-VIB619/16 ngày 29/04/2016 với số tiền 130.000.000 đồng;

Khi thực hiện hợp đồng, ông T, bà G luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn từ ngày 22/11/2017. Tuy nhiên, đối với hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015, ông T và bà G đã thanh toán hết nợ. Tính đến ngày xét xử là ngày 16/9/2020, ông T, bà G còn nợ Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15 ngày 12/05/2015 và hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD1-VIB619/16 ngày 29/04/2016 số tiền: 461.943.072 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc: 313.751.128 đồng; nợ lãi trong hạn: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 148.191.944 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015; đồng thời Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G trả cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2020 là 461.943.072 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 17/9/2020 cho đến khi ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Trong trường hợp ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G không trả được nợ hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 337, tờ bản đồ số 1 tại địa chỉ xã Đ, huyện Hóc Môn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 643506, số vào sổ cấp GCN: CH 00261, do UBND huyện Hóc Môn, TPHCM cấp ngày 04/06/2014, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 23/3/2015 cho ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với ngân hàng A. Trường hợp nếu số tiền thu được xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng A.

Bị đơn ông Hoàng Thái T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng đã trình bày ý kiến tại Bản tự khai ngày 14/5/2019:

Vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng A số tiền đúng như trình bày của Ngân hàng A số tiền 630.000.000 đồng vào năm 2015 và năm 2016 để xây nhà ở. Thời gian đầu ông có trả tiền cho Ngân hàng theo quy định, tuy nhiên sau đó do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập nên không trả nợ cho ngân hàng được. Nay ngân hàng A yêu cầu vợ chồng ông bà trả số nợ, ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng A nhưng xin thêm thời gian để thu xếp tiền trả cho ngân hàng.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thành T1, Hoàng Trung T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán cần khắc phục vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án (khoản 16 Điều 70 BLTTDS).

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy việc ông T vay số tiền 630.000.000 đồng của ngân hàng A có thể chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 337, tờ bản đồ số 1 tại địa chỉ xã Đ, huyện Hóc Môn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00261, do UBND huyện Hóc Môn, Tp. HCM cấp ngày 04/06/2014, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 23/3/2015 cho ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G và vi phạm nghĩa vụ thanh toán là có thật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng A xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn là ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa

án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Thái T, bà Lê Thị Thanh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thành T1 Hoàng Trung T2 theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai nhận của bị đơn đến vụ án xác định ngày 12/5/2015 ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G đã ký với Ngân hàng A – Chi nhánh G – Phòng giao dịch E hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15 với số tiền vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), ngày 10/6/2015 ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G đã ký với Ngân hàng A – Chi nhánh G – Phòng giao dịch E hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 với số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ngày 29/4/2016 ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G đã ký với Ngân hàng A – Chi nhánh G – Phòng giao dịch E hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD1-VIB619/16 với số tiền vay là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và hợp đồng thế chấp tài sản số 0073/HĐTC-VIB619/15 ngày 12/05/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A. Do ông T và bà G nhiều lần hứa hẹn và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng A đã khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 16/9/2020 là 461.943.072 đồng.

Theo lời trình bày của phía nguyên đơn, tính đến ngày Tòa án xét xử, ông Tiến đã trả cho ngân hàng A số tiền nợ gốc là 32.672.872 đồng và thanh lý hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn cũng đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về số tiền nợ: Tính đến ngày xét xử là ngày 16/9/2020, ông T, bà G còn nợ Ngân hàng A số tiền: 461.943.072 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15 ngày 12/05/2015 và hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD1-VIB619/16 ngày 29/04/2016 (Ngân hàng A có trình bảng tính lãi kèm theo). Đại diện Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và nợ lãi

quá hạn còn lại tạm tính đến hết ngày 16/9/2020 là 461.943.072 đồng (Trong đó: nợ gốc là 313.751.128 đồng; nợ lãi quá hạn là 148.191.944 đồng); đồng thời buộc ông T, bà G phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tính từ ngày 17/9/2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 16/9/2020 là 461.943.072 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tính từ ngày 17/9/2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, các bên đương sự đều thừa nhận có giao kết hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15, 0098/HĐTD1-VIB619/15, 0115/HĐTD1-VIB619/16 và hợp đồng thế chấp tài sản số 0073/HĐTC-VIB619/15 ngày 12/05/2015. Từ đó khẳng định việc ông T vay tiền của ngân hàng A – Chi nhánh G – Phòng giao dịch Esố tiền 630.000.000 đồng theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên và có thế chấp tài sản đảm bảo là có thật. Phía bị đơn là ông T và bà G mặc dù không đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông T vẫn thể hiện lời khai thừa nhận khoản nợ này. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hạn trả nợ: Do khoản nợ này đã quá hạn nên Ngân hàng A yêu cầu ông T và bà G phải trả nợ gốc và lãi khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G không thanh toán đủ số nợ (cả gốc và lãi) đúng hạn theo bản án của Tòa án thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số: 1, tại địa chỉ: xã Đ, huyện Hóc Môn, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 643506, số vào sổ cấp GCN: CH 00261 do UBND huyện Hóc Môn, TPHCM cấp ngày 04/06/2014 theo hợp đồng thế chấp số 0073/HĐTC-VIB619/15 ngày 12/05/2015.

Bị đơn là ông T mặc dù không tham gia tố tụng nhưng ông T vẫn thể hiện lời khai xin gia hạn thời gian trả nợ. Đề nghị này của ông T không được phía nguyên đơn chấp nhận vì cho rằng ông T đã nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy, phía bị đơn mặc dù có hứa hẹn nhưng kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, phía nguyên đơn cũng có hỗ trợ và tạo điều kiện cho ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T vẫn không thực hiện triệt để việc trả nợ. Do đó, đề nghị của ông T không có cơ sở chấp nhận; đồng thời chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về tài sản thế chấp: Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số 0073/HĐTC-VIB619/15 ngày 12/05/2015 thể hiện tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số: 1, tại địa chỉ: xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 643506, số vào sổ cấp GCN: CH 00261 do UBND huyện Hóc Môn, TPHCM cấp ngày 04/06/2014 cho ông Nguyễn Đắc T3, cập nhật biến động chuyển nhượng cho

ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G ngày 23/3/2015. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hóc Môn là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền án phí đã nộp theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng số 0098/HĐTD1-VIB619/15 ngày 10/06/2015 ký kết giữa Ngân hàng A với ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A đối với ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền tổng cộng là 461.943.072 đồng (Trong đó: nợ gốc là 313.751.128 đồng; nợ lãi quá hạn là 148.191.944 đồng); đồng thời buộc ông T, bà G phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tính từ ngày 17/9/2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0073/HĐTD1-VIB619/15 ngày 12/5/2015, 0115/HĐTD1-VIB619/16 ngày 29/4/2016.

Nếu ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G không thanh toán đủ số tiền nợ (cả gốc và lãi) đúng hạn theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì Ngân

hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số: 1, tại địa chỉ: xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 643506, số vào sổ cấp GCN: CH 00261 do UBND huyện Hóc Môn, TPHCM cấp ngày 04/06/2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Hoàng Thái T và bà Lê Thị Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.477.723 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.946.262 đồng (mười triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0003968 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Thủy